TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HSST
Ngày: 08/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Bắc

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Học và ông Nguyễn Văn Tòng

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 08/3/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 08/02/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 23/02/2018 đối với bị cáo:

Trịnh Thị L - Sinh ngày: 08/8/1984; Nguyên quán: Xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã K, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Con ông: Trịnh Viết S – Sinh năm 1948 và bà: Lê Thị L - Sinh năm 1952; Chồng: Vũ Xuân B - Sinh năm 1970; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/12/2017 đến ngày 06/12/2017 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh Lê Duy H - Sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

** Người làm chứng:*

- Anh Lê Hữu D - Sinh năm: 1990

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Anh Vũ Xuân B - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 03/12/2017, Trịnh Thị L cùng chồng là Vũ xuân B đi từ Q đến khu vực thị trấn Tĩnh Gia để tìm khách đánh giày. L và chồng chia nhau đi đánh giày tại các khu vực khác nhau. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, khi L đang tìm khách đánh giày tại khu vực bãi trông xe gần cổng chợ C phía Nam thuộc Tiểu khu H, thị trấn T thì thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 36B4-883.53 của anh Lê Duy H đang dựng trong khu vực nhà xe mà không có người trông coi. Cùng với trước đó mấy ngày, L có nhặt được một cái chìa khóa xe mô tô nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô đó đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. L lấy chìa khóa nhặt được hôm trước đem lại cắm vào ổ khóa xe mô tô rồi mở khóa, nổ máy, điều khiển xe chạy thẳng ra hướng Quốc lộ 1A, đi vào khu vực phía nam huyện T để tìm chỗ bán chiếc xe. Khi đến địa phận xã H, thuộc khu tái định cư xã N, huyện T, L thấy cửa hàng sửa chữa xe máy Đ của anh Lê Hữu D ở thôn N, xã H nên L đi xe vào cửa hàng đó. Khi vào cửa hàng, L có gặp và đặt vấn đề với anh D để hỏi xem có mua xe mô tô hay không. Do đang có nhu cầu mua xe cũ cho vợ đi làm nên anh D đồng ý. Lúc này, L mở cốp xe ra thì thấy có đăng ký xe đang để bên trong nên L lấy ra và nói với anh D rằng đó là xe của chồng mình, nhà có hai cái xe mô tô nên muốn bán đi một cái. Sau khi kiểm tra, trao đổi, L và anh D thống nhất giá bán chiếc xe là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi nhận tiền, L có bớt cho anh D 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và nhận **9.800.000đ** (Chín triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi nhận tiền xong, L để xe lại và tiếp tục xách đồ đi tìm khách đánh giày. Khoảng 13 giờ cùng ngày, L cùng chồng đi về nhà mình ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đến 19 giờ cùng ngày, biết việc trộm cắp chiếc xe là sai trái nên L đã đến Công an huyện Tĩnh Gia đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố bị cáo.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã truy tố Trịnh Thị L về tội: "*Trộm cắp tài sản"*. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 2 Điều 41 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi.Trả lại chiếc chìa khóa xe máy cho người bị hại, không xem xét phần bồi thường thiệt hại. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa Trịnh Thị L đã khai nhận: Khoảng 07 giờ 15 phút ngày 03/12/2017, tại khu vực bãi trông xe gần cổng chợ C phía Nam thuộc Tiểu khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Trịnh Thị L đã có hành vi trộm cắp một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 36B4-883.53 của anh Lê Duy H, sau đó đem bán cho anh Lê Hữu D ở thôn N, xã H, huyện T với giá 9.800.000đ (Chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 141/KLĐGTS ngày 05/12/2017 của hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 36B-883.53 có giá trị còn lại **14.282.000đ** *(Mười bốn triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng).*

Đại diện VKS thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện VKS, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tang vật cùng các chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời kết luận của đại diện VKS. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999.

Xét tính chất vụ án: Hiện nay trên địa bàn huyện T nói chung, tình trạng trộm cắp tài sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần

phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tích cực tác động để chồng của bị cáo bồi thường thiệt hại cho anh Lê Hữu D nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; Bị cáo đã ra đầu thú và thành khẩn khai báo rõ về hành vi phạm tội của mình nên khi lượng hình cần áp dụng điểm b, h, p khoản 1và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 làm tình tiết giảm nhẹ để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi cộng đồng mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 60 BLHS cũng đủ iều kiện cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với hành vi của anh Lê Hữu D: Khi mua chiếc xe, anh D không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên hành vi của anh D không cấu thành tội phạm.

Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét về vật chứng và bồi thường dân sự:

Ngày 03/12/2017, anh D đã giao nộp một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 36B-883.53, một giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 36B-883.53 mang tên Lê Duy T, một chiếc chìa khóa có khắc chữ và số A507. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tĩnh Gia đã trả lại cho cho anh Lê Duy H chiếc xe máy và giấy chứng nhận đăng ký xe và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

Ngày 06/12/2017, anh Vũ Xuân B (là chồng của bị cáo L) đã giao nộp, trả lại cho anh Lê Hữu D số tiền 9.800.000đ. Anh D đã nhận tiền và không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

Đối với chiếc chìa khóa xe máy có khắc chữ và số A507 hiện đang được nhập kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia Theo phiếu nhập kho số NK2018/34 ngày 07/02/2018. Đây là chiếc chìa khóa của anh H mà bị cáo đã nhặt được trước đó vài ngày. Do đó cần phải áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999; Điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015 để trả lại cho anh Lê Duy H chiếc chìa khóa xe máy trên là hoàn toàn chính xác.

Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 BLHS năm 1999.

- Tuyên bố: Trịnh Thị L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt: Trịnh Thị L 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/3/2018. Giao bị cáo L cho chính quyền UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999; Điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS năm 2015. Trả lại cho anh Lê Duy H một chiếc chìa khóa xe máy có khắc chữ và số A507 đang bị thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia theo phiếu nhập kho số NK2018/34 ngày 07/02/2018.

- Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000^{đ} tiền án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Bắc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tòng **Nguyễn Quang Học** **Nguyễn Văn Bắc**